**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN SINH HỌC 9 BÀI 16:**

**ADN VÀ BẢN CHẤT CỦA GEN**

**Câu 1:** Gen là gì?

**A.** Gen là một đoạn của phân tử ARN mang thông tin mã hoá cho một chuỗi pôlipeptit hay một số phân tử ARN.

**B.** Gen là một đoạn của phân tử ADN mang thông tin mã hoá cho một số loại chuỗi pôlipeptit hay một số loại phân tử ARN

**C.** Gen là một đoạn của phân tử ADN mang thông tin mã hoá cho một chuỗi pôlipeptit.

**D.** Gen là một đoạn của phân tử ADN mang thông tin mã hoá cho một chuỗi pôlipeptit hay một phân tử ARN

**Câu 2:** Sự nhân đôi của ADN trên cơ sở nguyên tắc bổ sung và bán bảo tồn có tác dụng

**A.** Chỉ đảm bảo duy trì thông tin di truyền ổn định qua các thế hệ tế bào.

**B.** Chỉ đảm bảo duy trì thông tin di truyền ổn định qua các thế hệ cơ thể.

**C.** Đảm bảo duy trì thông tin di truyền từ nhân ra tế bào chất.

**D.** Đảm bảo duy trì thông tin di truyền ổn định qua các thế hệ tế bào và cơ thể

**Câu 3:** Nguyên tắc bán bảo tồn trong cơ chế nhân đôi của ADN là

**A.** Hai ADN mới được hình thành sau khi nhân đôi, hoàn toàn giống nhau và giống với ADN mẹ ban đầu.

**B.** Hai ADN mới được hình thành sau khi nhân đôi, có một ADN giống với ADN mẹ còn ADN kia có cấu trúc đã thay đổi.

**C.** Trong 2 ADN mới, mỗi ADN gồm có một mạch cũ và một mạch mới tổng hợp

**D.** Sự nhân đôi xảy ra trên 2 mạch của ADN trên hai hướng ngược chiều nhau.

**Câu 4:** Nguyên nhân làm cho NST nhân đôi là

**A.** Do NST luôn ở trạng thái kép

**B.** Sự tự sao của ADN đưa đến sự nhân đôi của NST

**C.** Do NST nhân đôi theo chu kì tế bào

**D.** Do sự phân chia tế bào làm cho số NST nhân đôi

**Câu 5:** Yếu tố giúp cho phân tử ADN tự nhân đôi đúng mẫu là

**A.** Sự tham gia của các nuclêôtit tự do trong môI trường nội bào

**B.** Nguyên tắc bổ sung

**C.** Sự tham gia xúc tác của các enzim

**D.** Cả 2 mạch của ADN đều làm mạch khuôn

**Câu 6:** Chức năng của ADN là

**A.** Mang thông tin di truyền

**B.** Giúp trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường

**C.** Truyền thông tin di truyền

**D.** Mang và truyền thông tin di truyền

**Câu 7:** Trong nhân đôi ADN thì nuclêôtit tự do loại T của môi trường đến liên kết với

**A.** T mạch khuôn **B.** G mạch khuôn **C.** A mạch khuôn **D.** X mạch khuôn

**Câu 8:** Gen cấu trúc là

**A.** Một đoạn ADN mang thông tin di truyền quy định cấu trúc một loại protein

**B.** Một đoạn ADN có khả năng sao mã và giải mã

**C.** Một đoạn ADN quy định cấu trúc mARN

**D.** Một đoạn ADN có khả năng tái sinh

**Câu 9:** Cơ chế nhân đôi của ADN trong nhân là cơ sở

**A.** Đưa đến sự nhân đôi của lạp thể. **B.** Đưa đến sự nhân đôi của trung tử.

**C.** Đưa đến sự nhân đôi của ti thể. **D.** Đưa đến sự nhân đôi của NST

**Câu 10:** Trong nhân đôi của gen thì nuclêôtit tự do loại G trên mach khuôn sẽ liên kết với

**A.** T của môi trường **B.** X của môi trường **C.** G của môi trường **D.** A của môi trường

**Câu 11:** Quá trình tự nhân đôi của ADN diễn ra như thế nào?

**A.** Cả ba đáp án trên

**B.** Khi bắt đầu, phân tử ADN tháo xoắn, 2 mạch đơn dần dần tách nhau ra

**C.** Khi kết thúc, 2 phân tử ADN được tạo thành giống phân tử ADN mẹ

**D.** Các nucleotit trên mạch đơn lần lượt liên kết với các nucleotit tự do trong môi trường nội bào để hình thành phân tử mới

**Câu 12:** Quá trình tự nhân đôi xảy ra ở

**A.** Bên ngoài nhân. **B.** Trên màng tế bào. **C.** Trong nhân tế bào **D.** Bên ngoài tế bào.

**Câu 13:** Trong mỗi phân tử ADN con được tạo ra từ sự nhân đôi thì

**A.** Cả 2 mạch đều được tổng hợp từ nuclêôtit môi trường

**B.** Có 1 mạch nhận từ ADN mẹ

**C.** Cả 2 mạch đều nhận từ ADN mẹ

**D.** Có nửa mạch được tổng hợp từ nuclêôtit môi trường

**Câu 14:** Kết quả của quá trình nhân đôi ADN là

**A.** Phân tử ADN con dài hơn ADN mẹ

**B.** Phân tử ADN con ngắn hơn ADN mẹ

**C.** Phân tử ADN con giống hệt ADN mẹ

**D.** Phân tử ADN con được đổi mới so với ADN mẹ

**Câu 15:** Từ nào sau đây còn được dùng để chỉ sự tự nhân đôi của ADN?

**A.** Tự sao ADN **B.** Tái bản ADN

**C.** Sao chép ADN **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Câu 16:** Sự nhân đôi của ADN xảy ra vào kì nào trong nguyên phân?

**A.** Kì trung gian **B.** Kì giữa **C.** Kì đầu **D.** Kì sau và kì cuối

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | D | 4 | B | 7 | C | 10 | B | 13 | B |
| 2 | D | 5 | B | 8 | A | 11 | A | 14 | C |
| 3 | C | 6 | D | 9 | D | 12 | C | 15 | A |
|  |  |  |  |  |  |  |  | 16 | A |